

Bản án số: 151/2022/DS-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đàm Kiến Dân;

2. Ông Phạm Đăng Khoa;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 7/4B MVT, khu phố M, phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang; (có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Anh Phạm Minh T, sinh năm: 1973; (có mặt)

2.2. Chị Trần Thị L, sinh năm: 1973; (có mặt)

Địa chỉ: 211 NH, khu phố B, phường M, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên khi chị L tâm sự với bà về bệnh tình và hoàn cảnh gia đình thì bà có cho chị L, anh T mượn tiền để trị bệnh và làm vốn làm nhiều lần từ năm 2020. Đến tháng 03/2022 tổng kết nợ lại là 550.000.000 đồng. Khi mượn tiền thì chị L, anh T có làm biên nhận cho bà và hẹn khi nào cần tiền thì báo trước 01 tháng để chị L và anh T trả lại cho bà. Đến ngày 15/3/2022 bà có yêu cầu anh T, chị L trả tiền lại cho bà nhưng anh T, chị L không có thiện chí trả nợ mặc dù số tiền này bà cho mượn không có tính lãi.

Nay bà yêu cầu chị L, anh T trả cho bà tổng cộng số tiền là 550.000.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà chị Trần Thị L là bị đơn trình bày:*

Qua quen biết nên chị có mượn bà H 05 lần tiền, cụ thể như sau:

Lần 01 mượn 10.000.000 đồng lãi 10%/tháng.

Lần 02 mượn 20.000.000 đồng lãi 10%/tháng.

Lần 03 mượn 30.000.000 đồng lãi 10%/tháng.

Lần 04 mượn 20.000.000 đồng lãi 30%/tháng.

Lần 05 mượn 60.000.000 đồng lãi 10%/tháng.

Do lãi quá cao nên chị không đóng lãi đầy đủ cho bà H do hoàn cảnh quá khó khăn, bà H có kêu tôi chơi hụi để trả lãi.

Tổng số tiền gốc và lãi chị còn nợ bà H là 270.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng do hoàn cảnh quá khó khăn. Bản kê mượn tiền chị có ký tên nhưng do sơ sót không xem kỹ biên nhận. Sau khi được toà án công khai chứng cứ thì có nội dung ngày 1-2-2022 al mượn thêm 40.000.000 đồng; ngày 1-3-2022 mượn 40.000.000 đồng là hoàn toàn không có vì lúc đó chị bị gia đình chồng đuổi ra khỏi nhà nên không thể nào mượn tiền được.

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà anh Phạm Minh T là bị đơn trình bày:*

Anh có mượn của bà H 40.000.000 đồng ngày 10/02/2020 để trị bệnh cho con, lãi 10%/tháng. Anh đồng ý trả cho bà H 40.000.000 đồng nhưng xin trả mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh quá khó khăn, riêng phần nợ của chị L anh hoàn toàn không biết nên không đồng ý trả.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại Phường 1, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[3]. Về nội dung vụ án:

Bà Hà khởi kiện yêu cầu chị L, anh T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ vay 550.000.000 đồng. Nguyên đơn có cung cấp giấy biên nhận do chị L, anh T ký tên. Bị đơn chị L thừa nhận còn nợ lại bà Hà 270.000.000 đồng tiền vay nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, anh T không đồng ý trả nợ cùng chị L chỉ đồng ý trả 40.000.000 đồng mỗi tháng 300.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được các bên thừa nhận và thể hiện qua các biên nhận mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Trong các biên nhận thể hiện vào ngày 15/11/2020 mượn 60.000.000 đồng; ngày 01/12/2020 mượn 10.000.000 đồng; ngày 28/02/2021 mượn 50.000.000 đồng; ngày 15/3/2021 mượn 20.000.000 đồng; ngày 10/4/2021 mượn 40.000.000 đồng; ngày 05/6/2021 mượn 20.000.000 đồng; ngày 05/7/2021 mượn 50.000.000 đồng; ngày 05/8/2021 mượn 25.000.000 đồng; ngày 17/8/2021 mượn 30.000.000 đồng; ngày 15/10/2021 mượn 10.000.000 đồng; ngày 06/11/2021 mượn 35.000.000 đồng; ngày 24/11/2021 mượn 70.000.000 đồng; ngày 29/12/2021 mượn 50.000.000 đồng; ngày 01/12/2022 mượn 40.000.000 đồng; ngày 01/3/2022 mượn 40.000.000 đồng.

Chị L không thừa nhận nội dung ngày 1-2-2022 al mượn thêm 40.000.000 đồng; ngày 1-3-2022 mượn 40.000.000 đồng vì lúc đó chị bị gia đình chồng đuổi ra khỏi nhà nên không thể nào mượn tiền được. Tuy nhiên ngoài lời trình bày ra chị L không có chứng cứ chứng minh việc nguyên đơn ghi thêm các nội dung trên, trong khi chị thừa nhận chữ ký bên dưới biên nhận là của chị L. Cho nên có cơ sở chị L, anh T có vay tiền của bà Hà số tiền 550.000.000 đồng.

Xét thấy số tiền trên chị L, anh T vay đã lâu, mặc dù các bên không quy định thời gian trả vốn nhưng bị đơn đã không trả tiền cho bà Hà đúng quy định, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Hơn nữa theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự thì đối với hợp đồng vay không kỳ hạn mà không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Quá trình tố tụng các đương sự thừa nhận

bà Hà đã nhiều lần yêu cầu chị L, anh T trả vốn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả vốn cho nguyên đơn. Việc bị đơn xin trả dần là cố tình kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hà. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của chị L, anh T.

Chị L, anh T cho rằng có đóng tiền lãi 10%/tháng từ khi vay nhưng không được bà Hà thừa nhận, chị L, anh T cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét phần tiền lãi vượt quá qui định.

Về nghĩa vụ trả nợ, anh T, chị L cho rằng việc vay tiền chỉ có một mình chị biết, anh T là chồng bà không có liên quan nên nay chị L chỉ đồng ý một mình trả nợ cho bà Hà. Tuy nhiên ngoài lời trình bày ra anh T, chị L không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh, chị. Hơn nữa hiện tại anh T và chị L là vợ chồng đang trong thời kỳ hôn nhân nên phần nợ chị L là phần nợ chung của anh T và chị L. Do đó có đủ cơ sở buộc anh T cùng chị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Hà.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Hà là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên do có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Buộc chị Trần Thị L và anh Phạm Minh T có nghĩa vụ trả cho bà H tổng cộng 550.000.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi Hnh án có đơn yêu cầu thi Hnh án cho đến khi thi Hnh xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hnh án còn phải chịu phần

tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi Hình án.

2. Về án phí:

- Buộc chị Trần Thị L và anh Phạm Minh T phải chịu 13.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hình theo qui định Điều 2 Luật thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi Hình án dân sự; Thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thừa